



Prudent & True

## CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI HANECO

*Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc tại 31 tháng 12 năm 2013  
đã được kiểm toán*

---

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ PNT

B17 Lô 19, Khu Đô thị Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội  
Tel: 84 3640 3642 / Fax: 84 3640 3643 / Web: [www.pnt.com.vn](http://www.pnt.com.vn)

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
Báo cáo Kiểm toán	5 - 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	14 - 30



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dịch vụ Xuất nhập khẩu và Thương mại được thành lập theo quyết định số 1301/QĐ-UB ngày 30 tháng 3 năm 1993 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Doanh nghiệp Nhà nước số 0106000924 thay đổi lần thứ 12 ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội.

Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco được chuyển đổi từ mô hình hoạt động từ Công ty Dịch vụ Xuất nhập khẩu và Thương mại theo quyết định số: 2297/QĐ - UBND ngày 24/5/2010 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội và giấy chứng nhận đăng ký DN số 01.00234322 do Sở Kế hoạch và đầu tư Hà Nội cấp ngày 02/8/2010 và thay đổi lần thứ nhất ngày 17 tháng 01 năm 2014.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Buôn bán vải, hàng dệt, may sẵn, hàng da lông thú, giày dép, các sản phẩm da và giả da;
- Buôn bán nông sản, lâm sản, nguyên liệu;
- Buôn bán gạo, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá nội;
- Buôn bán đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Buôn bán giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự;
- Buôn bán thiết bị nghe nhìn, thiết bị linh kiện điện tử và viễn thông;
- Buôn bán hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Buôn bán máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng y tế;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác sử dụng cho: Sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải, máy công cụ điều khiển bằng vi tính; thiết bị và dụng cụ đo lường;
- Buôn bán ô tô và xe có động cơ khác;
- Buôn bán phân bón và các sản phẩm nông hóa;
- Buôn bán hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Buôn bán tổng hợp;
- Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);
- Đại lý bảo hiểm;
- Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Cung ứng lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);

- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tour du lịch;
- Khách sạn;
- Nhà khách, nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn bất động sản;
- Xây dựng nhà ở, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí (trừ loại Nhà nước cấm);
- Nhận ủy thác XNK hàng hóa;
- XNK các mặt hàng do Công ty kinh doanh.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 4 NB, Tòa nhà 14 - 16 Hàm Long, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Vốn điều lệ: 8.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Tám tỷ đồng*) theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu và 12.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Mười hai tỷ đồng*) theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất.

#### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này.

#### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

#### **BAN GIÁM ĐỐC**

*Các thành viên của Ban Giám đốc*

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Chính	Tổng giám đốc
Ông Phạm Quang Trung	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Văn Đại	Phó Tổng giám đốc
Bà Phan Anh Thư	Kế toán trưởng

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT (PNT Audit) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty. PNT Audit bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán độc lập cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



TM. Ban Giám đốc  
Tổng giám đốc

Vũ Chinh

Số: 10 /2014/BCTC-PNT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc**  
**Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco, được lập ngày 17 tháng 01 năm 2014, từ trang 6 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Phạm Công Minh**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1308-2013-136-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2014

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Ngọc Dũng**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 2000-2013-136-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>237.175.561.343</b>	<b>175.489.917.582</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>9.250.962.611</b>	<b>5.598.206.165</b>
1. Tiền	111	V.01	9.250.962.611	5.598.206.165
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>3.144.301.716</b>	<b>3.058.186.200</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.171.809.566	3.226.770.064
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(27.507.850)	(168.583.864)
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>170.718.468.873</b>	<b>112.287.961.254</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		93.474.648.299	88.135.258.743
2. Trả trước cho người bán	132		77.857.411.718	24.766.293.655
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03		
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(613.591.144)	(613.591.144)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>42.931.346.960</b>	<b>44.155.880.222</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	43.023.961.336	44.248.494.598
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(92.614.376)	(92.614.376)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.130.481.183</b>	<b>10.389.683.741</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		149.861.460	156.612.690
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.301.313.568	1.170.215.900
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	37.163.795	125.074.793
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		8.642.142.360	8.937.780.358



CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI HANECO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.089.130.533</b>	<b>2.253.680.533</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>			<b>164.550.000</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08		164.550.000
- Nguyên giá	222		1.102.339.643	1.507.245.521
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.102.339.643)	(1.342.695.521)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.13</b>	<b>1.559.130.533</b>	<b>1.559.130.533</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		600.000.000	600.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.220.000.000	1.220.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(260.869.467)	(260.869.467)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>530.000.000</b>	<b>530.000.000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14		
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268		530.000.000	530.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>239.264.691.876</b>	<b>177.743.598.115</b>



CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI HANECO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>229.465.736.334</b>	<b>168.614.818.045</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>229.465.736.334</b>	<b>168.614.818.045</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	194.012.347.176	152.071.775.640
2. Phải trả người bán	312		1.464.238.742	6.131.570.137
3. Người mua trả tiền trước	313		22.799.094.888	299.915.385
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	112.890.536	2.474.327.892
5. Phải trả người lao động	315		694.598.283	582.225.224
6. Chi phí phải trả	316	V.17		
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	6.429.039.441	3.881.015.218
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		3.953.527.268	3.173.988.549
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20		
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ khoa học công nghệ	339			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>9.798.955.542</b>	<b>9.128.780.070</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.22	<b>9.798.955.542</b>	<b>9.128.780.070</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		8.101.006.002	8.101.006.002
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			(12.430.682)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.294.969.668	637.224.878
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		402.979.872	402.979.872
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420			
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>239.264.691.876</b>	<b>177.743.598.115</b>

## CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài	001			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	003			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004			
5. Ngoại tệ các loại	005			
- USD			37.224,25	39.762,99
- EUR			263,13	274,05
6. Dự toán chi hoạt động	006			

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phan Anh Thu



Vũ Chinh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.25	1.090.570.719.653	839.852.920.947
03	2. Các khoản giảm trừ	VI.26		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.27	1.090.570.719.653	839.852.920.947
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.28	1.055.070.823.656	814.612.324.402
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ		35.499.895.997	25.240.596.545
21	6. Doanh thu tài chính	VI.29	4.895.814.949	14.653.652.994
22	7. Chi phí tài chính	VI.30	16.812.487.708	24.108.185.961
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		15.098.415.166	21.739.810.822
24	8. Chi phí bán hàng		11.589.105.356	3.935.814.355
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		10.758.826.125	9.126.690.171
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.235.291.757	2.723.559.052
31	11. Thu nhập khác		1.650.062.479	48.983.956
32	12. Chi phí khác		20.213.375	122.537.297
40	13. Lợi nhuận khác		1.629.849.104	(73.553.341)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.865.140.861	2.650.005.711
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.31	672.658.226	415.547.700
52	16. Thuế TNDN hoãn lại	VI.32		
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		2.192.482.635	2.234.458.011

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

*Phan Anh Thư*



*Vũ Chinh*

Phan Anh Thư

Vũ Chinh

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp  
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.865.140.861	2.650.005.711
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		137.450.000	140.700.000
- Các khoản dự phòng	03		141.076.014	(1.444.858.670)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực	04		362.118.544	(121.220.683)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.777.769.326)	(3.298.330.494)
- Chi phí lãi vay	06		15.098.415.166	21.739.810.822
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		14.826.431.259	19.666.106.686
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(59.663.250.557)	15.943.902.102
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		1.224.533.262	12.765.370.597
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		18.059.968.551	(62.227.850.811)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		6.751.230	108.625.330
- Tiền lãi vay đã trả	13		(15.098.415.166)	(21.727.197.489)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(802.400.307)	(1.017.704.408)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(480.290.756)	(199.633.593)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(41.926.672.484)</b>	<b>(36.688.381.586)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21			(17.250.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.528.895.200)	(995.769.775)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.583.855.698	1.130.514.711
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.777.769.326	3.298.330.494
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>3.832.729.824</b>	<b>3.415.825.430</b>

**CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI HANECO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		628.290.682.951	471.681.224.508
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(586.350.111.415)	(437.546.510.853)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(190.207.123)	
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>41.750.364.413</b>	<b>34.134.713.655</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>3.656.421.753</b>	<b>862.157.499</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>5.598.206.165</b>	<b>4.736.048.666</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.665.307)	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>9.250.962.611</b>	<b>5.598.206.165</b>

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

*(Handwritten signatures and red circular stamp of HANECO)*

Phan Anh Thư

Vũ Chinh

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dịch vụ Xuất nhập khẩu và Thương mại được thành lập theo quyết định số 1301/QĐ-UB ngày 30 tháng 3 năm 1993 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Doanh nghiệp Nhà nước số 0106000924 thay đổi lần thứ 12 ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội.

Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco được chuyển đổi từ mô hình hoạt động từ Công ty Dịch vụ Xuất nhập khẩu và Thương mại theo quyết định số : 2297/QĐ - UBND ngày 24/5/2010 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội và giấy chứng nhận đăng ký DN số 01.00234322 do Sở Kế hoạch và đầu tư Hà Nội cấp ngày 02/8/2010 và thay đổi lần thứ nhất ngày 17 tháng 01 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 4 NB, Tòa nhà 14 - 16 Hàm Long, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ đối ngoại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Buôn bán vải, hàng dệt, may sẵn, hàng da lông thú, giày dép, các sản phẩm da và giả da;
- Buôn bán nông sản, lâm sản, nguyên liệu;
- Buôn bán gạo, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá nội;
- Buôn bán đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Buôn bán giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự;
- Buôn bán thiết bị nghe nhìn, thiết bị linh kiện điện tử và viễn thông;
- Buôn bán hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Buôn bán máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng y tế;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác sử dụng cho: Sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải, máy công cụ điều khiển bằng vi tính; thiết bị và dụng cụ đo lường;
- Buôn bán ô tô và xe có động cơ khác;
- Buôn bán phân bón và các sản phẩm nông hóa;
- Buôn bán hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Buôn bán tổng hợp;
- Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);
- Đại lý bảo hiểm;

- Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm ( không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Cung ứng lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tour du lịch;
- Khách sạn;
- Nhà khách, nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn bất động sản;
- Xây dựng nhà ở, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí (trừ loại Nhà nước cấm);
- Nhận ủy thác XNK hàng hóa;
- XNK các mặt hàng do Công ty kinh doanh.

## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2133  
ÔNG  
+NH  
TOÁN  
PN  
MA



#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay mục đích khác.

##### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Được ghi nhận theo hướng dẫn của Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ tài chính cụ thể : các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bình quân của các ngân hàng giao dịch vào ngày kết thúc niên độ kế toán

Tuy nhiên, theo Thông tư này các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ và các khoản chi phí trả trước bằng ngoại tệ không được coi là các khoản mục có gốc ngoại tệ do đó cuối kỳ không phải đánh giá chênh lệch tỷ giá. Nhưng Công ty vẫn đánh giá những khoản này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt nam số 10 ("CMKT 10") - *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

##### 3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Từ ngày 10 tháng 06 năm 2013 nguyên giá và khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013. Theo Thông tư này một số tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu đồng được chuyển sang công cụ dụng cụ và phân bổ không quá 03 năm. Tại Công ty, sau khi điều chỉnh giá trị còn lại của những tài sản này được hạch toán hết vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                             |        |     |
|-----------------------------|--------|-----|
| ▪ Phương tiện vận tải       | 6 - 10 | Năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 8  | Năm |

##### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### 5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### **6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyên địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí lương**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 04 năm 2013 quỹ tiền lương của viên chức quản lý chuyên trách và người lao động được xác định theo Thông tư số 27/2010/TT-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 và Thông tư số 19/2007/TT-BLĐTBXH ngày 04 tháng 10 năm 2007 của Bộ Lao động Thương binh xã hội.

Từ ngày 01 tháng 5 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 quỹ tiền lương của viên chức quản lý chuyên trách xác định theo Thông tư 19/2013/TT- BLĐTBXH ngày 09 tháng 9 năm 2013, còn quỹ tiền lương của người lao động được xác định theo Thông tư 18/2013/TT- BLĐTBXH ngày 09 tháng 9 năm 2013 của Bộ Lao động Thương binh xã hội.

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

## 10. Chính sách phân phối lợi nhuận

Chính sách phân phối lợi nhuận phù hợp với :

- Nghị định 09/2009/NĐ - CP ngày 5/2/2009 của Chính phủ về Ban hành quy chế quản lý vốn Nhà Nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;
- Thông tư số 155/2009/TT- BTC ngày 31/7/2009 hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận của Công ty Nhà nước theo quy định tại Nghị định 09/2009/NĐ-CP ngày 5/2/2009 của Chính Phủ;
- Thông tư 138/2011/TT-BTC ngày 17/9/2011 hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận đối với Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 Về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ
- Thông tư 187/2013/TT-BTC ngày 01/12/2013 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 204/2013/NĐ-CP ngày 05/12/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết của Quốc hội về một số giải pháp thực hiện ngân sách nhà nước năm 2013, 2014 cụ thể:

Lợi nhuận thực hiện của công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối như sau:

- Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có);
- Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế;
- Sau đó được phân phối theo tỷ lệ giữa vốn thuộc chủ sở hữu đầu tư tại công ty và vốn công ty tự huy động bình quân trong năm.

Lợi nhuận được chia theo vốn tự huy động được phân phối như sau:

- Trích tối thiểu 30% vào quỹ đầu tư phát triển của công ty.
- Quỹ thưởng ban điều hành được trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện của Viên chức quản lý doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp xếp loại A);
- Số lợi nhuận còn lại được phân phối vào quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi theo kết quả phân loại doanh nghiệp (không quá 3 tháng lương thực hiện).

Số lợi nhuận còn lại sau khi đã trích đủ quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi theo quy định nộp lại ngân sách Nhà nước

## 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để bù trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ.

CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI HANECO  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<b>V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>		
		<i>Đơn vị tính: VND</i>
<b>01. Tiền</b>		
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tiền mặt tại quỹ	189.485.074	154.420.483
- Tiền gửi ngân hàng	9.061.477.537	5.443.785.682
- Tiền đang chuyển		
<b>Cộng</b>	<b>9.250.962.611</b>	<b>5.598.206.165</b>
<b>02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (trang 22, 23)</b>		
<b>04. Hàng tồn kho</b>		
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Hàng mua đang đi đường		
- Nguyên liệu, vật liệu		
- Công cụ, dụng cụ		
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang		
- Thành phẩm		
- Hàng hoá	43.023.961.336	44.248.494.598
- Hàng gửi bán		
- Hàng hoá kho bảo thuế		
- Hàng hoá bất động sản		
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>43.023.961.336</b>	<b>44.248.494.598</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(92.614.376)	(92.614.376)
<b>Giá trị thuần của hàng tồn kho</b>	<b>42.931.346.960</b>	<b>44.155.880.222</b>
<b>05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>		
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất, nhập khẩu	6.610.845	125.074.793
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.552.950	
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất		
- Thuế khác		
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
<b>Cộng</b>	<b>37.163.795</b>	<b>125.074.793</b>

**CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI HANECO**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	1.319.184.024	188.061.497	<b>1.507.245.521</b>
- Mua trong kỳ			
- Đầu tư XD/CB hoàn thành			
- Tặng khác			
- Chuyển sang BĐS đầu tư			
- Thanh lý, nhượng bán	(340.725.333)		<b>(340.725.333)</b>
- Giảm khác		(64.180.545)	<b>(64.180.545)</b>
Số dư cuối kỳ	978.458.691	123.880.952	<b>1.102.339.643</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	1.216.184.024	126.511.497	<b>1.342.695.521</b>
- Số khấu hao trong kỳ	103.000.000	34.450.000	<b>137.450.000</b>
- Tặng khác			
- Chuyển sang BĐS đầu tư			
- Thanh lý, nhượng bán	(340.725.333)		<b>(340.725.333)</b>
- Giảm khác		(37.080.545)	<b>(37.080.545)</b>
Số dư cuối kỳ	978.458.691	123.880.952	<b>1.102.339.643</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
1. Tại ngày đầu kỳ	103.000.000	61.550.000	<b>164.550.000</b>
2. Tại ngày cuối kỳ			
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng:			<b>1.102.339.643</b>

**13. Đầu tư tài chính dài hạn (trang 23)**

85  
3 T  
:MH  
NQ  
V  
AI

**CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI HANECO**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Số lượng (Cổ phiếu)	Số cuối năm (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Số cuối năm (VND)
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Kho vận giao nhận Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh (TMS)	151.838 (i)	2.698.745.000	151.838	2.698.745.000
- Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)			42.788	413.612.564
- Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom (SAM)			1.000	8.421.000
- Cổ phiếu của Công ty Địa ốc Sài Gòn Thương Tín (SCR)	21	145.216	20	127.500
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà (STL)			4.000	22.656.500
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (VND)			6.000	57.343.000
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam Vinamilk (VNM)	1.500	220.048.750	200	25.864.500
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng (DRC)	1.100	44.210.250		
- Tổng Công ty Khí Việt Nam (GAS)	2.000	140.851.250		
- Công ty Cổ phần và Xây dựng Nhân lực (CMS)	1.500	17.243.000		
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam (CSM)	1.150	40.701.500		
- Công ty Cổ phần Sông Đà 5 (SD5)	600	9.864.600		
<b>Cộng</b>		<b>3.171.809.566</b>		<b>3.226.770.064</b>
<b>Trích lập dự phòng các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn</b>		<b>(27.507.850)</b>		<b>(168.583.864)</b>
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam Vinamilk (VNM)		(17.548.750)		
- Tổng Công ty Khí Việt Nam (GAS)		(7.851.250)		
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng (DRC)		(1.310.250)		
- Công ty Cổ phần và Xây dựng Nhân lực (CMS)		(293.000)		
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam (CSM)		(504.600)		
<b>Giá trị thuần của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>3.144.301.716</b>		<b>3.058.186.200</b>

(i): Báo cáo CF0022 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam số lượng cổ phiếu TMS là 316.218 cổ phiếu. Số cổ phiếu chênh lệch là của Ông Vũ Chinh và Ông Vũ Tinh số lượng lần lượt là: 102.738 cổ phiếu và 61.642 cổ phiếu.

Ngoài ra mã chứng khoán TMS hiện đang bị phong tỏa 287.408 cổ phiếu cho mục đích thế chấp vay vốn tại ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh Hai Bà trung (Trong đó: Công ty Haneco 123.028 cổ phiếu; Ông Vũ Chinh: 102.738 cổ phiếu và Ông Vũ Tinh: 61.642 cổ phiếu).

**CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI HANECO**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**13. Đầu tư dài hạn khác**

	Số lượng (Cổ phiếu)	Số cuối năm (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Số cuối năm (VND)
- Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết - Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn - Hữu Nghị		600.000.000		600.000.000
- Đầu tư dài hạn khác - Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Lilama	122.000	1.220.000.000	122.000	1.220.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.820.000.000</b>		<b>1.820.000.000</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn - Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn - Hữu Nghị		(260.869.467)		(260.869.467)
<b>Giá trị thuần của các khoản đầu tư tài chính</b>		<b>1.559.130.533</b>		<b>1.559.130.533</b>

Tại thời điểm 31/12/2013, khoản đầu tư vào Công ty CP Transimex Sài Gòn - Hữu Nghị để thực hiện dự án đầu tư "Khu vực kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu và kho ngoại quan" tại khu công nghiệp Đình Trám, Việt Yên, Bắc Giang, Công ty giữ nguyên khoản trích lập dự phòng từ năm 2012 không tiến hành trích lập tiếp hay hoàn nhập lại khoản dự phòng này với lý do dự án đầu tư đang trong quá trình tiến hành các thủ tục quyết toán để phân chia số vốn góp còn lại mà các nhà đầu tư có thể nhận được. Do đó, Công ty đợi kết quả cuối cùng để tất toán luôn khoản đầu tư này.



**CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI HANECO**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**15. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay ngắn hạn		
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (VND)	42.167.898.650	34.890.009.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Long Biên (USD)		19.946.801.200
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Long Biên (VND)	35.341.275.860	39.686.334.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Sở giao dịch (VND)	85.177.172.745	20.850.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hai Bà Trưng (VND)	16.325.999.921	20.898.631.440
+ Công ty Cổ phần Thương mại Bất động sản Hà Thành	15.000.000.000	15.000.000.000
+ Vay đối tượng khác		800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>194.012.347.176</b>	<b>152.071.775.640</b>

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Đồng tiền vay	Thời hạn vay (tháng)	Hình thức bảo đảm
1	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội	VND	04	Tín chấp
2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Long Biên	VND	04 đến 05	Tín chấp
3	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Sở giao dịch	VND	04 đến 06	Tín chấp
4	Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hai Bà Trưng (VND)	VND	04	Hàng hóa/quyền đòi nợ và Cổ phiếu TMS
5	Công ty Cổ phần Thương mại Bất động sản Hà Thành	VND	03	Tín chấp

CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI HANECO  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế GTGT		2.213.836.034
- Thuế TTĐB		
- Thuế xuất, nhập khẩu		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		99.189.131
- Thuế thu nhập cá nhân	7.975.914	161.302.727
- Thuế tài nguyên		
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		
- Các loại thuế khác		
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	104.914.622	
<b>Cộng</b>	<b><u>112.890.536</u></b>	<b><u>2.474.327.892</u></b>

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết		
- Bảo hiểm xã hội VPĐD	90.116.287	105.880.028
- Phải trả về cổ phần hóa		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
- Phải trả Ban quản lý dự án quận Ba Đình	855.921.812	855.921.812
- Phải trả tiền lương và các khoản phải nộp khác của lao động VPĐD	4.507.350.902	1.920.914.605
- Lãi vay phải trả		12.613.333
- Phải trả, phải nộp khác	975.650.440	985.685.440
<b>Cộng</b>	<b><u>6.429.039.441</u></b>	<b><u>3.881.015.218</u></b>

CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI HANECO  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>8.000.000.000</b>			<b>179.534.071</b>		<b>8.179.534.071</b>
Tăng vốn trong kỳ						
Lãi trong kỳ					2.234.458.011	2.234.458.011
Tăng khác						
Bổ sung từ lợi nhuận sau thuế	101.006.002					101.006.002
Phân phối lợi nhuận sau thuế vào các quỹ			637.224.878	223.445.801		860.670.679
Giảm vốn trong kỳ						
Lỗ trong kỳ						
Chia cổ tức						
Trích lập các quỹ					(2.234.458.011)	(2.234.458.011)
Giảm khác		(12.430.682)				(12.430.682)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>8.101.006.002</b>	<b>(12.430.682)</b>	<b>637.224.878</b>	<b>402.979.872</b>		<b>9.128.780.070</b>
Tăng vốn trong kỳ						
Lãi trong kỳ					2.192.482.635	2.192.482.635
Tăng khác		838.356.588				838.356.588
Bổ sung từ lợi nhuận sau thuế						
Phân phối lợi nhuận sau thuế vào các quỹ			657.744.790			657.744.790
Lỗ trong kỳ						
Chia cổ tức						
Trích lập các quỹ					(2.192.482.635) (*)	(2.192.482.635)
Giảm khác		(825.925.906)				(825.925.906)
<b>Số dư 31/12/2013</b>	<b>8.101.006.002</b>		<b>1.294.969.668</b>	<b>402.979.872</b>		<b>9.798.955.542</b>

(\*): Trích lập vào các quỹ như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi
- Quỹ thưởng ban điều hành
- Nộp ngân sách

657.744.790  
1.050.050.000  
189.566.100  
295.121.745

(Trong năm Công ty đã nộp ngân sách: 190.207.123 đồng; Số còn phải nộp cuối năm là: 104.914.622 đồng)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	1.088.408.130.606	837.116.216.989
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.162.589.047	2.736.703.958
Doanh thu hợp đồng xây dựng		
<b>Cộng</b>	<b>1.090.570.719.653</b>	<b>839.852.920.947</b>

**27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	1.088.408.130.606	837.116.216.989
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.162.589.047	2.736.703.958
- Doanh thu hợp đồng xây lắp		
<b>Cộng</b>	<b>1.090.570.719.653</b>	<b>839.852.920.947</b>

**28. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng hóa đã bán	1.055.070.823.656	814.519.710.026
- Giá vốn của thành phẩm đã bán		
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
- Chi phí kinh doanh bất động sản		
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		92.614.376
<b>Cộng</b>	<b>1.055.070.823.656</b>	<b>814.612.324.402</b>

**29. Doanh thu tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi cổ tức, lợi nhuận được chia	3.587.267.030	3.298.330.494
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		
- Lãi bán ngoại tệ		
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.097.761.545	1.894.368.242
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.058.628	121.220.683
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	204.727.746	9.339.733.575
<b>Cộng</b>	<b>4.895.814.949</b>	<b>14.653.652.994</b>

**CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI HANECO**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**30. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí lãi vay	15.098.415.166	21.739.810.822
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	155.301.464	
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.331.669.920	2.199.791.275
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	368.177.172	
- Dự phòng đầu tư tài chính	(141.076.014)	168.583.864
<b>Cộng</b>	<b><u>16.812.487.708</u></b>	<b><u>24.108.185.961</u></b>

**31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	672.658.226	415.547.700
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>672.658.226</u></b>	<b><u>415.547.700</u></b>

**33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.055.070.823.656	814.695.260.614
- Chi phí nhân công (bao gồm: tiền lương, tiền công, phụ cấp, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ)	6.059.433.240	5.179.054.097
- Chi phí khấu hao TSCĐ	137.450.000	140.700.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.464.059.846	5.533.726.698
- Chi phí khác bằng tiền	11.686.988.395	2.126.087.519
<b>Cộng</b>	<b><u>1.077.418.755.137</u></b>	<b><u>827.674.828.928</u></b>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin các bên liên quan

a. Tổng thu nhập của Ban điều hành công ty trong năm 2013 là:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Thu nhập</u>
Ông Vũ Chinh	Tổng giám đốc	667.935.157
Ông Phạm Quang Trung	Phó Tổng giám đốc	455.409.352
Ông Phạm Văn Đại	Phó Tổng giám đốc	442.014.866
Bà Phan Anh Thư	Kế toán trưởng	434.805.977
		<b>2.000.165.352</b>

b. Các giao dịch lớn phát sinh trong năm

<u>Đối tượng</u>	<u>Quan hệ với Haneco</u>	<u>Số phát sinh</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Tân Long tại Đồng Tháp	Bán hàng hóa	169.140.825.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Tân Long	Mua hàng hóa	617.590.254.173
	Nghiệp vụ khác	37.800.000.000
	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	5.163.402.191
Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cao Thăng	Bán hàng hóa	141.488.550.000
	Mua hàng hóa	92.134.875.000
	Nghiệp vụ khác	16.940.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nhất Thành	Bán hàng hóa	10.002.811.140
	Mua hàng hóa	222.745.330.622
	Ứng trước tiền hàng	22.495.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và CBLT Thiên Ngọc	Bán hàng hóa	40.927.044.375
Công ty Cổ phần Khoáng sản Nghệ an	Mua hàng hóa	111.337.800.000

c. Số dư với các bên có giao dịch lớn trong năm tại 31/12/2013

<u>Đối tượng</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Phải thu/(Phải trả)</u>
Công ty Cổ phần Hóa chất công nghiệp Tân Long	Phải thu tiền bán hàng	64.995.076.063
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cao Thăng	Phải thu tiền ứng trước	10.000.000.000
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Nhất Thành	Phải thu tiền bán hàng	6.199.290.646
	Phải trả ứng trước tiền hàng	(22.495.000.000)

**CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI HANECO**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**2. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2014

Tổng giám đốc

Phan Anh Thu



Vũ Chinh